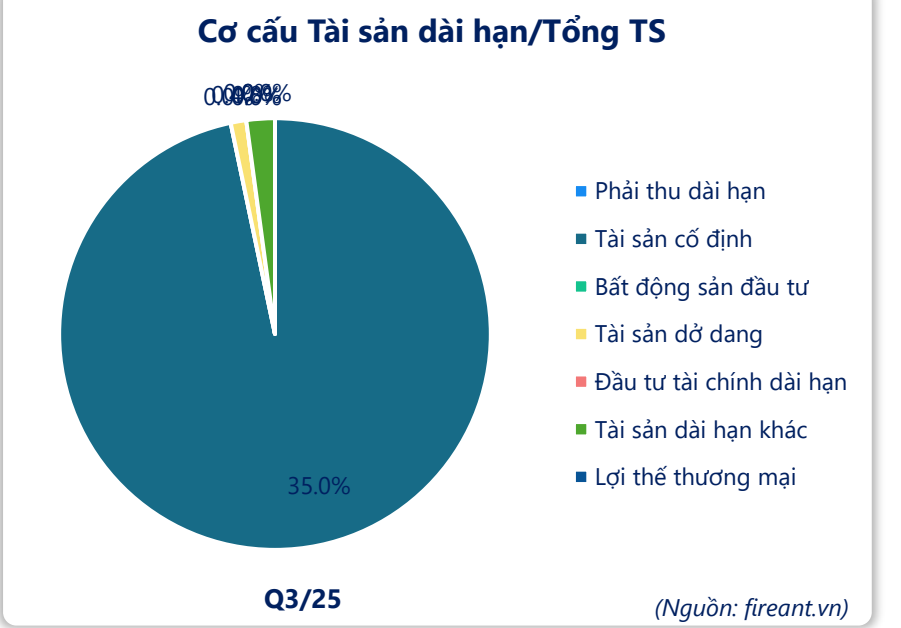
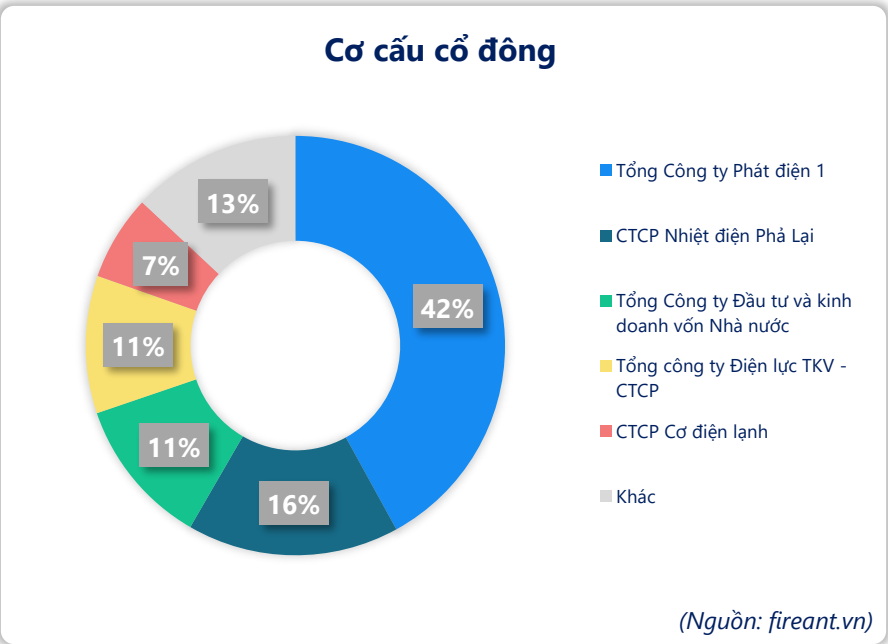
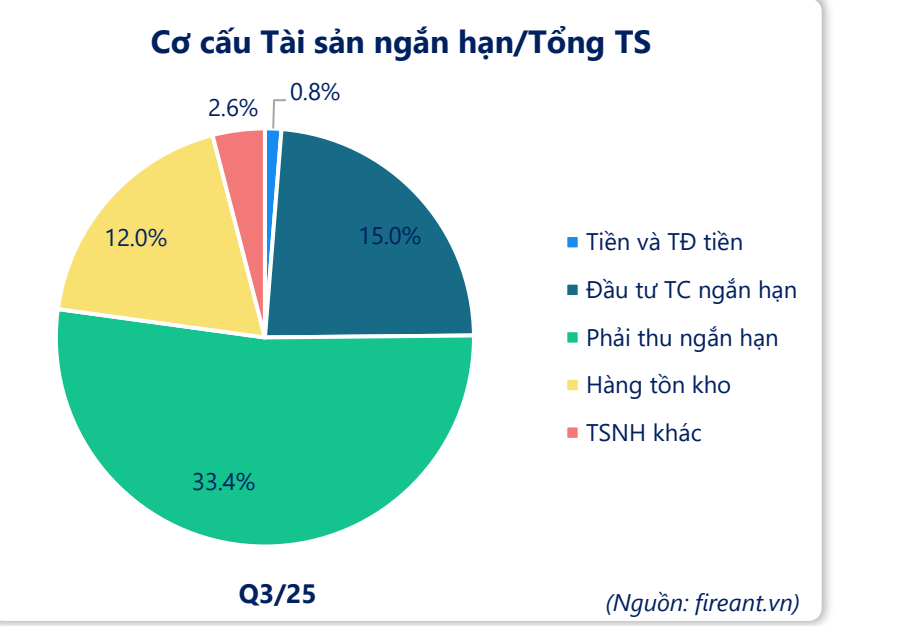
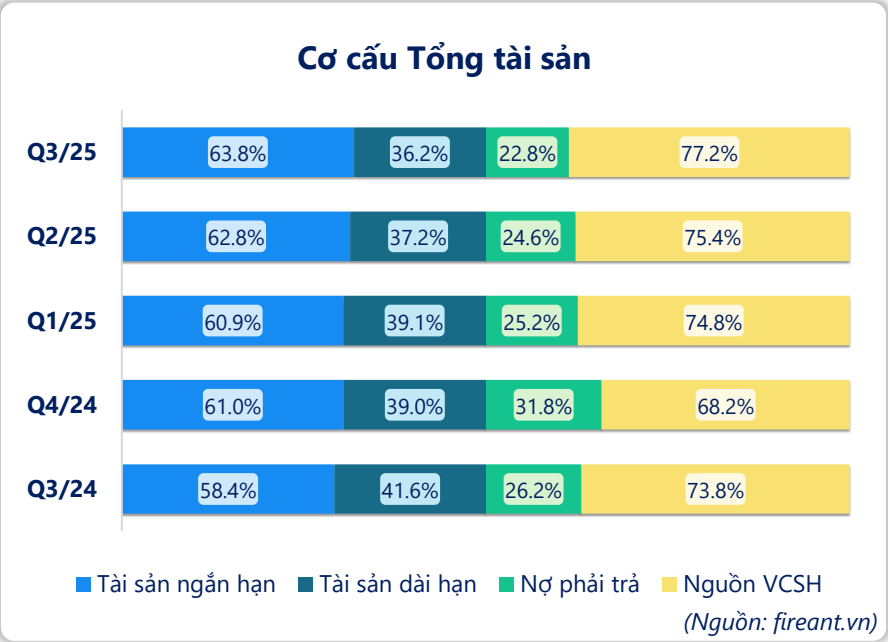
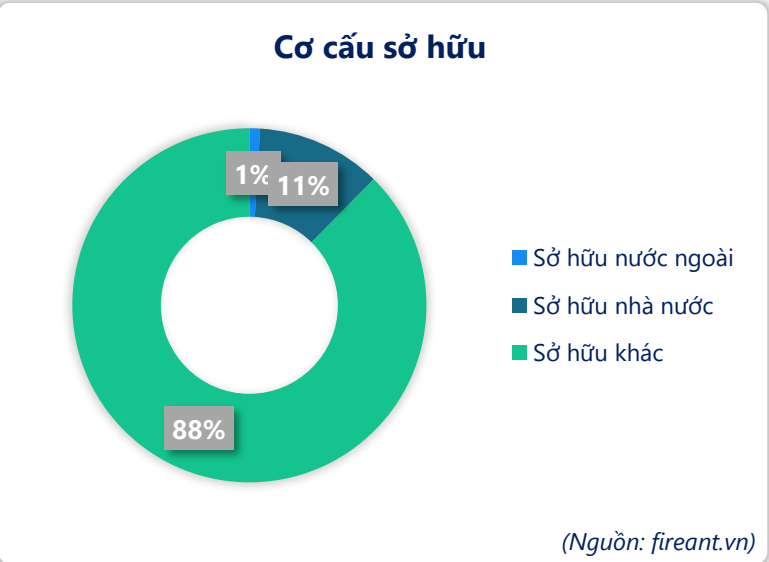
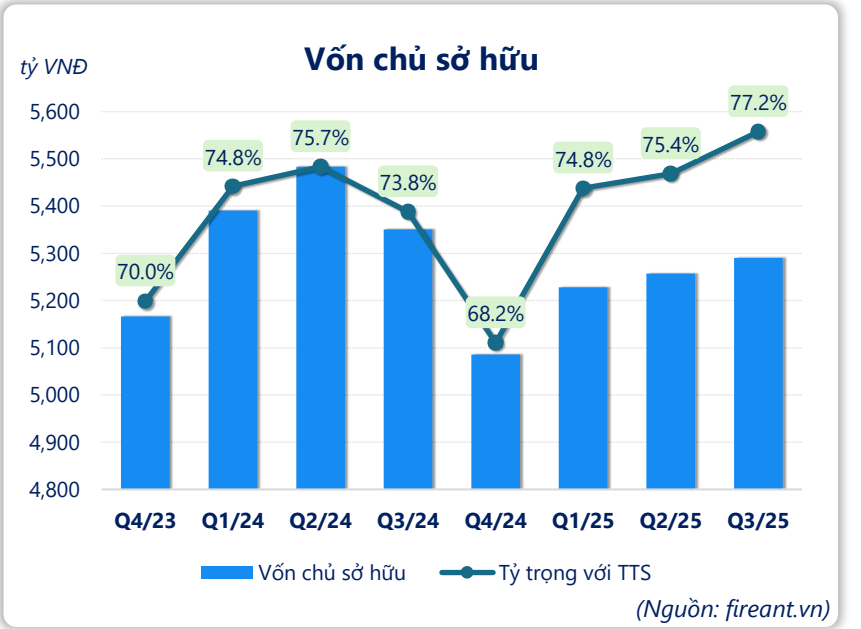
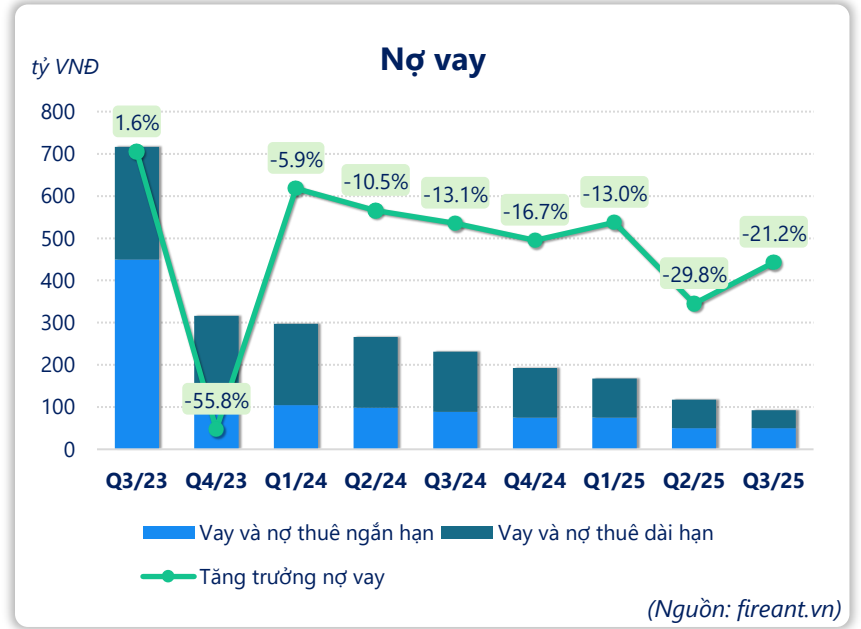
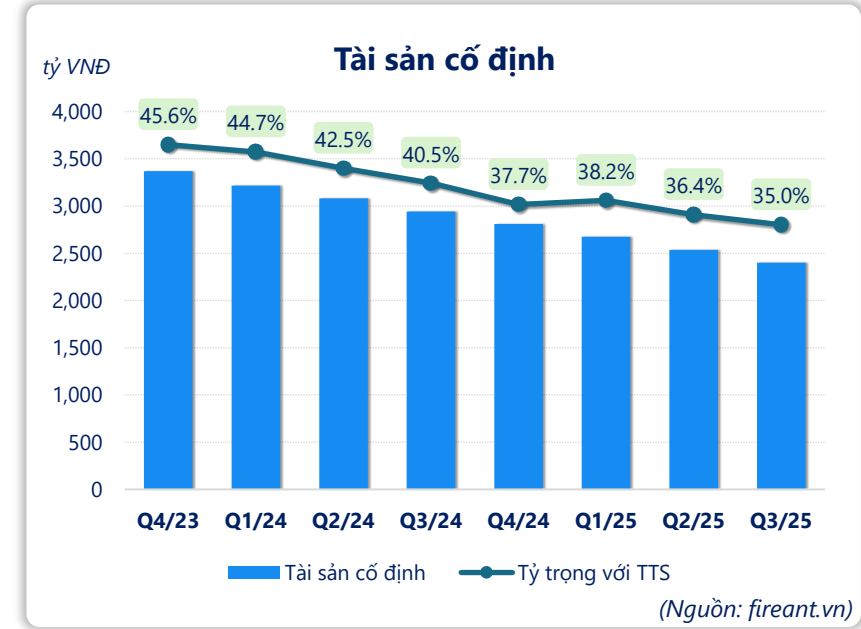
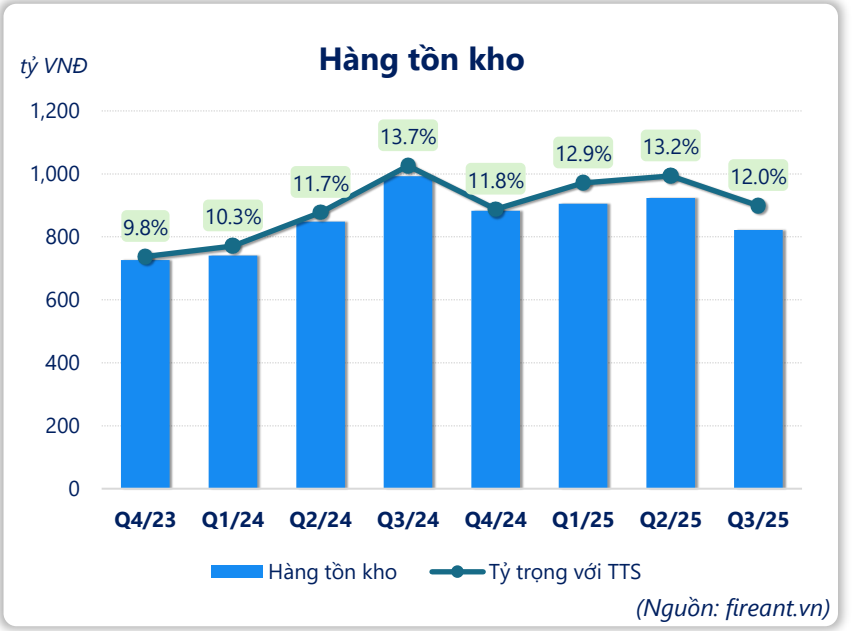
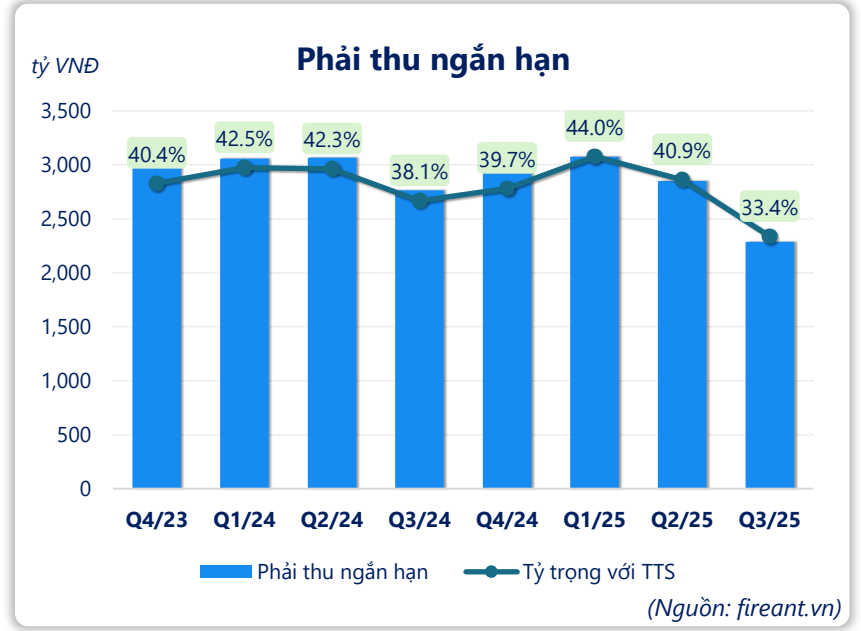
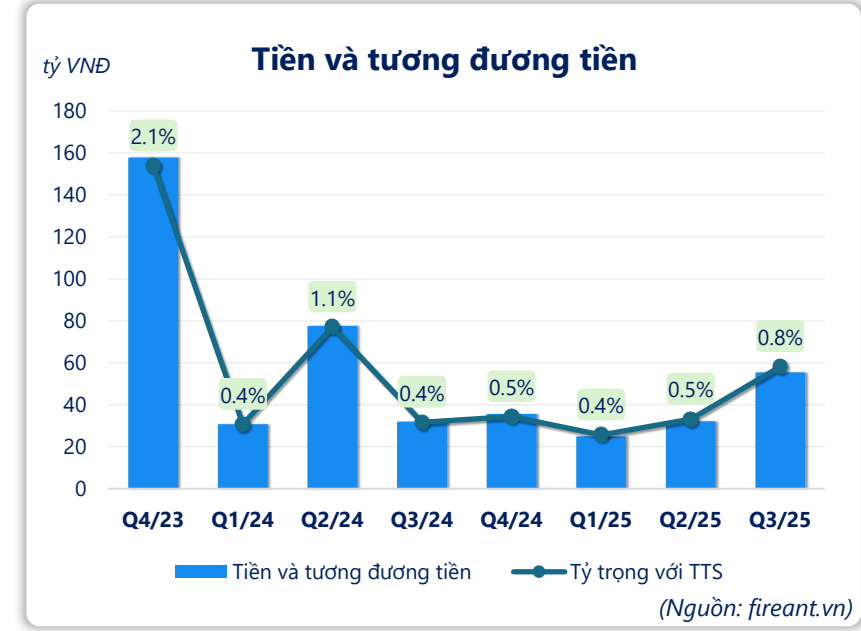
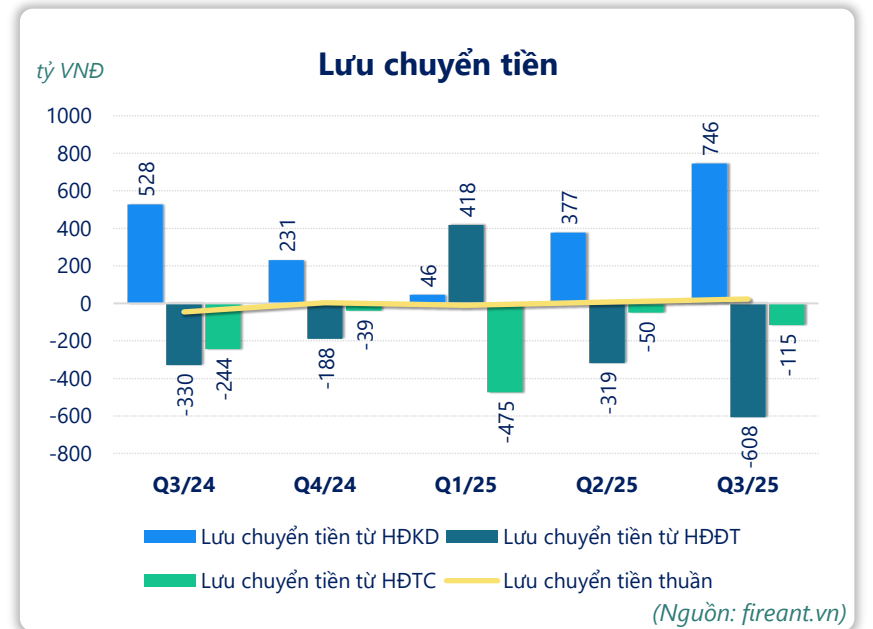
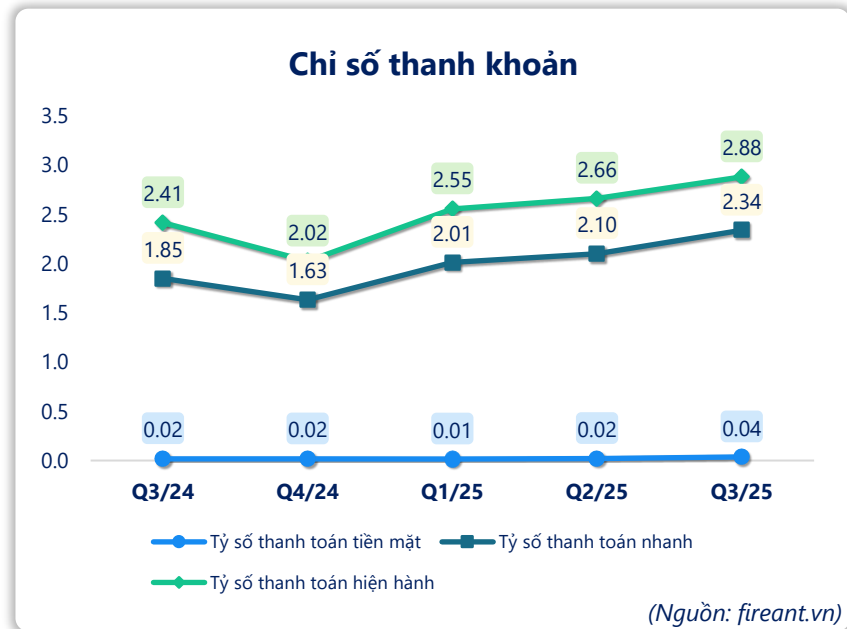
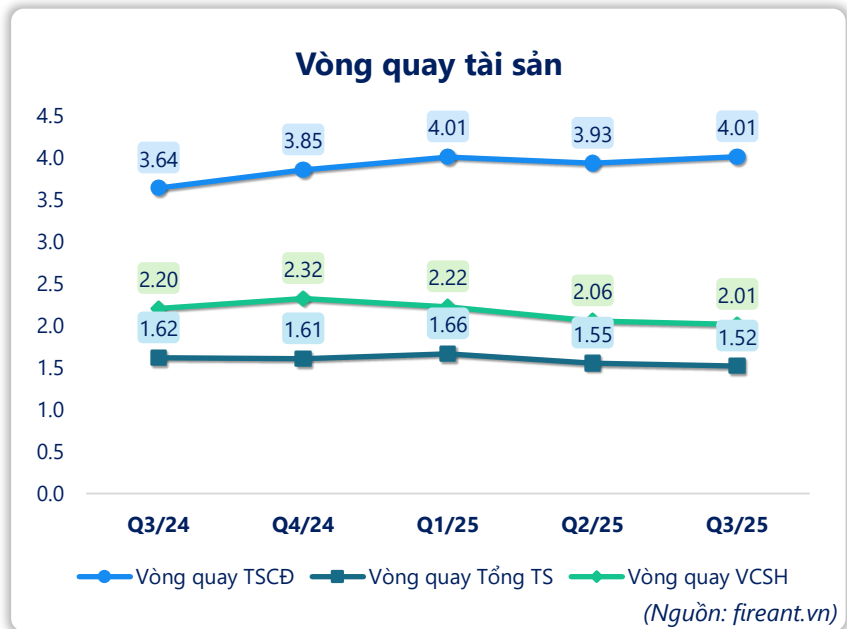
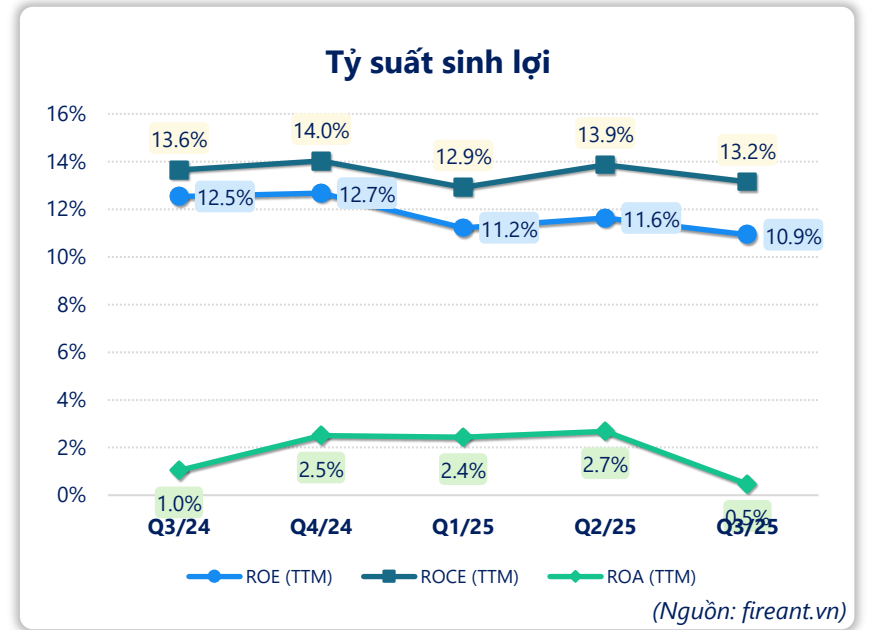
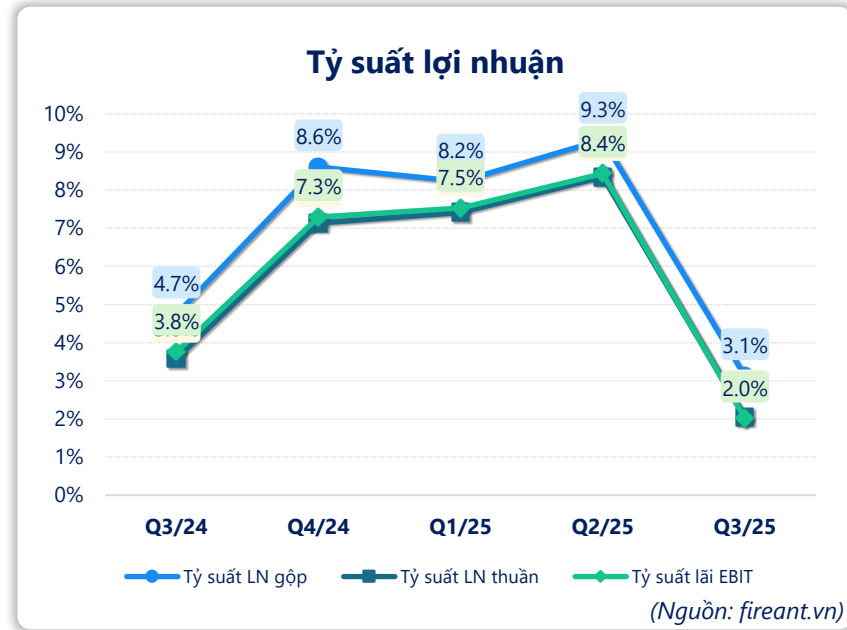
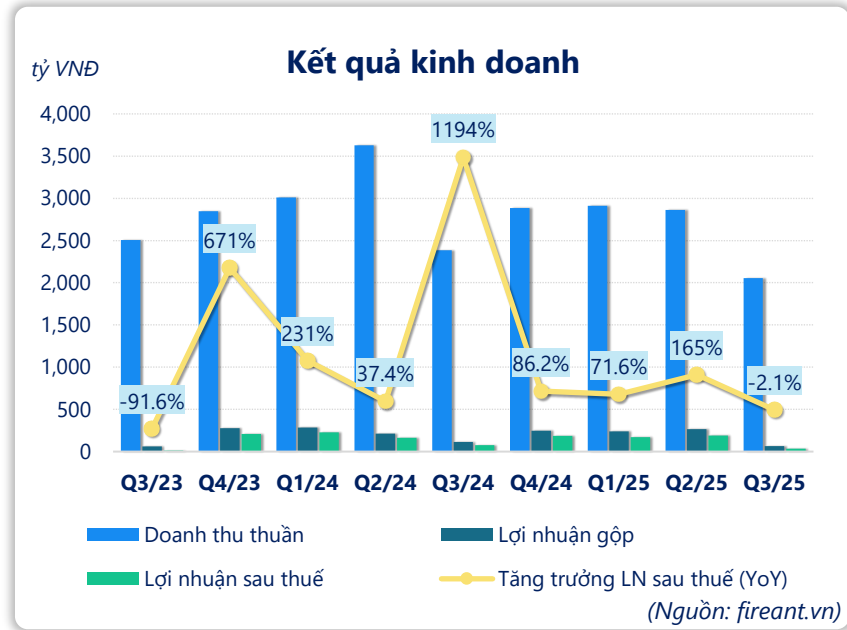


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		13,200
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		13,789
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		12,392
SL cổ phiếu LH		450,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		316,315
% sở hữu nước ngoài		1.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		5,940
P/E		10.2
EPS		1,292

	YTD	1T	3T	6T
QTP	-2.9%	-2.2%	0.0%	-2.9%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	6,857	7,423	-7.6%
Tài sản ngắn hạn	4,374	4,550	-3.9%
Tiền và tương đương tiền	55.4	35.5	55.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1,032	522	97.8%
Phải thu ngắn hạn	2,288	2,962	-22.7%
Hàng tồn kho	822	882	-6.8%
Tài sản ngắn hạn khác	176	149	18.2%
Tài sản dài hạn	2,483	2,873	-13.6%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	2,401	2,811	-14.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	29.0	5.52	425%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	52.8	56.4	-6.4%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,567	2,368	-33.8%
Nợ ngắn hạn	1,519	2,245	-32.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	50.0	75.0	-33.3%
Phải trả người bán ngắn hạn	844	1,435	-41.2%
Nợ dài hạn	47.8	123	-61.1%
Vay và nợ thuê dài hạn	42.8	118	-63.7%
Nguồn vốn chủ sở hữu	5,290	5,055	4.6%
Vốn chủ sở hữu	5,290	5,055	4.6%
Vốn điều lệ	4,500	4,500	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	2,386	2,884	2,912	2,864	2,056
Giá vốn hàng bán	2,273	2,636	2,673	2,597	1,992
Lợi nhuận gộp	113	248	240	267	64.2
Doanh thu HĐTC	0.86	5.42	3.51	2.11	7.99
Chi phí TC	3.16	6.48	4.06	4.77	2.58
Chi phí lãi vay	5.13	4.28	3.55	3.26	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	25.4	41.3	23.3	25.4	27.6
LN thuần từ HĐKD	85.5	206	216	239	42.0
Lợi nhuận khác	-0.85	0.40	0.01	-0.76	-0.71
LN trước thuế	84.6	206	216	238	41.3
Lợi nhuận sau thuế	76.1	185	173	191	33.0
LNST của CĐ cty mẹ	76.1	185	173	191	33.0

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	528	231	45.7	377	746
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-330	-188	418	-319	-608
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-244	-38.9	-475	-50.2	-115
Tiền đầu kỳ	77.5	31.9	35.5	24.9	32.2
Lưu chuyển tiền thuần	-45.6	3.61	-10.7	7.28	23.2
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	31.9	35.5	24.9	32.2	55.4

(Nguồn: fireant.vn)